



Số: 28765/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Thực phẩm bổ sung: Lactoferrin Active Formula Milk Powder Synbiotic
2. Mã số mẫu: 03264606/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINO PHARMA
Địa chỉ: Lô G3, Khu đấu giá QSDĐ, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 26/03/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 26/03/2026 - 25/04/2026
7. Mô tả mẫu: Nguyên hộp, 50 gói/hộp. Số lượng: 3. Số lô: 1286P2603.
NSX: 10/03/2026 - HSD: 10/03/2028
Nhà sản xuất: Pharmcross. Co., Ltd
Địa chỉ: 50, Geodudanji 2-gil, Dongnae-myeon, Chuncheon-si, Gangwon-do, Hàn Quốc
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Aflatoxin M1	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	µg/kg	0,043

10. Ghi chú:

- 10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.
- 10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.
- 10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.
- 10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.
- 10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.
- 10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA
TS. Vũ Thị Trang



Số: 28764/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Thực phẩm bổ sung: Lactoferrin Active Formula Milk Powder Synbiotic
2. Mã số mẫu: 03264606/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINO PHARMA
Địa chỉ: Lô G3, Khu đấu giá QSDĐ, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 26/03/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 26/03/2026 - 25/04/2026
7. Mô tả mẫu: Nguyên hộp, 50 gói/hộp. Số lượng: 3. Số lô: 1286P2603.
NSX: 10/03/2026 - HSD: 10/03/2028
Nhà sản xuất: Pharmcross. Co., Ltd
Địa chỉ: 50, Geodudanji 2-gil, Dongnae-myeon, Chuncheon-si, Gangwon-do, Hàn Quốc
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017	CFU/g	< 10
9.2*	Listeria monocytogenes	ISO 11290-2:2017	CFU/g	< 10
9.3*	Độc tố Staphylococcal enterotoxin	ISO 19020:2017	/25g	Âm tính
9.4	Probiotic tổng số (Lactobacillus spp.; Bifidobacterium spp.)	NIFC.06.M.256	CFU/100g	1,6 x 10 ¹¹
9.5*	Salmonella spp.	TCVN 10780-1:2017	/25g	Âm tính
9.6*	Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase	ISO 6888-1:2021	CFU/g	< 10
9.7*	Độ ẩm	NIFC.02.M.02	g/100g	2,32
9.8*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	AOAC 2020.07	g/100g	62,8
9.9*	Hàm lượng Chất đạm	NIFC.02.M.03	g/100g	16,4
9.10*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	g/100g	52,6
9.11*	Hàm lượng Galacto-oligosaccharides (tính theo Galactose, Lactose)	NIFC.05.M.050 (HPAEC-PAD)	mg/100g	585
9.12	Năng lượng (tính từ Chất đạm, Chất béo, Carbohydrat (không bao gồm chất xơ))	NIFC.02.M.06	kcal/100g	367



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.13*	Hàm lượng IgG	NIFC.04.M.104 (HPLC)	mg/100g	$1,10 \times 10^3$
9.14*	Hàm lượng Melamin	NIFC.04.M.058 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,05)
9.15*	Hàm lượng Arsenic	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	KPH (LOD: 0,007)
9.16*	Hàm lượng Cadmi	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.17*	Hàm lượng Chì (tính theo công thức pha của nhà sản xuất)	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/L	KPH (LOD: 0,004)
9.18*	Hàm lượng Kẽm	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	mg/100g	155
9.19*	Hàm lượng Natri	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	mg/100g	210
9.20*	Hàm lượng Thiếc	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	KPH (LOD: 0,010)
9.21*	Hàm lượng Thủy ngân	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.22*	Hàm lượng Lactoferrin	NIFC.05.M.318 (ELISA)	mg/100g	2800
9.23*	Hàm lượng Chất béo	TCVN 6688-3:2007	g/100g	5,59

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA

TS. Vũ Thị Trang